**NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÝ VỀ PHƯƠNG THỨC GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP KINH DOANH THƯƠNG MẠI BẰNG TOÀ ÁN Ở VIỆT NAM HIỆN NAY**

**Phạm Thị Thanh Tâm**

**1.1. Khái quát tranh chấp kinh doanh thương mại**

***1.1.1. Khái niệm tranh chấp kinh doanh thương mại***

Kinh tế là một trong những lĩnh vực mà nhà nước đặc biệt quan tâm bởi xuất phát từ tầm quan trọng ý nghĩa và giá trị của nó, nhà nước luôn tiến hành định hướng sự phát triển của kinh tế theo một khuôn khổ nhất định, tuy nhiên quan hệ xã hội luôn biến động và ở trạng thái biến đổi do đó đã làm xuất hiện các quan hệ xã hội mới, thay thế hoặc chấm dứt vì vậy pháp luật kinh tế phải thay đổi, bổ sung và thay thế để thích ứng với sự thay đổi của nền kinh tế.

Theo góc độ xã hội học, tranh chấp được hiểu là xung đột về quyền lợi giữa các nhóm xã hội khác nhau trong việc tham gia vào thị trường. Nhóm này muốn tước đoạt lợi thế của nhóm khác, dẫn đến sự đấu tranh giữa các nhóm để phân phối lại lợi thế về thị trường kinh doanh.

Trong khoa học pháp lý, tranh chấp kinh doanh thương mại là thuật ngữ có nguồn gốc từ thông lệ quốc tế được hình thành qua thực tiễn xét xử các vụ khiếu kiện quốc tế về. trong các văn bản pháp lý quốc tế mà thay vào đó là thuật ngữ “tranh chấp thương mại” (commercial dispute) hay thuật ngữ “tranh chấp kinh doanh” (business dispute). Trong luật mẫu của UNCITRAL về trọng tài thương mại quốc tế cũng sử dụng thuật ngữ “Thương mại”.

Ở Việt Nam, khái niệm tranh chấp kinh doanh thương mại cũng được định nghĩa khá rõ ràng. Cụ thể, khái niệm tranh chấp kinh doanh thương mại lần đầu tiên được đề cập trong luật thương mại ngày 10/5/1997. Tại điều 238 Luật thương mại 1997 quy định “Tranh chấp thương mại là tranh chấp phát sinh do việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng hợp đồng trong hoạt động thương mại”. Quan niệm về tranh chấp thương mại theo Luật thương mại 1997 đã loại bỏ nhiều tranh chấp không được coi là tranh chấp thương mại mặc dù xét về bản chất đó vẫn có thể coi là các tranh chấp thương mại như đầu tư, xây dựng, hoạt động trung gian thương mại…

Đến Luật thương mại 2005 thì khái niệm tranh chấp kinh doanh thương mại lại không được định nghĩa, nhưng Luật thương mại 2005 có đưa ra khái niệm như thế nào là hoạt động thương mại: *“Hoạt động thương mại là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đich sinh lợi khác*”.

Như vậy, từ những phân tích trên có thể hiểu: *“****Tranh chấp kinh doanh thương mại*** *là những mâu thuẩn (bất đồng hay xung đột) về quyền và nghĩa vụ giữa các bên trong quá trình thực hiện hoạt động thương mại”.*

***1.1.2. Các phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại***

Tranh chấp là hệ quả tất yếu xảy ra trong hoạt động kinh doanh và vì vậy giải quyết tranh chấp phát sinh được coi là đòi hỏi tự thân của các quan hệ kinh tế. Theo hiểu biết chung: giải quyết tranh chấp trong kinh doanh chính là việc lựa chọn các hình thức biện pháp thích hợp để giải toả các mâu thuẫn, bất đồng, xung đột lợi ích giữa các bên, tạo lập lại sự cân bằng về mặt lợi ích mà các bên có thể chấp nhận được. Pháp luật Việt Nam cũng như pháp luật của các nước trên thế giới, nhìn chung đối với phương thức giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bao gồm các phương thức sau: Thương lượng; Hòa giải; Trọng tài thương mại; Tòa án.

Thương lượng, hòa giải và trọng tài thương mại là các giải quyết tranh chấp thương mại không mang ý chí quyền lực nhà nước (không nhân dân quyền lực nhà nước cũng như phán quyết của tòa án) mà chủ yếu được giải quyết dựa trên nền tảng ý chí tự định đoạt của các bên tranh chấp hoặc phán quyết của bên thứ ba độc lập (được các bên lựa chọn) theo thủ tục linh hoạt, mềm dẻo. Trong khi đó tòa án lại là phương thức giải quyết tranh chấp thương mại mang ý chí quyền lực nhà nước được tòa án tiến hành theo thủ tục nghiêm ngặt chặt chẽ.

Tổng thể có thể thấy ưu điểm nổi bật của các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng, hòa giải và trọng tài thương mại so với tòa án, đó là tính linh hoạt, mềm dẻo của thủ tục, đảm bảo tối đa quyền định đoạt của các bên tranh chấp mà không bị ràng buộc nghiêm ngặt, chặt chẽ bởi thủ tục tố tụng như giải quyết tranh chấp tại tòa án. Ngoài ra, các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại này còn đảm bảo tối đa uy tính cũng như bí mật của các bên tranh chấp, góp phần cũng cố và quy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài giữa các bên.

Tuy nhiên, các phương thức giải quyết tranh chấp thương mại bằng thương lượng, hòa giải và trọng tài thương mại cũng có những trở ngại khó tránh khỏi, như: sự thành công của quá trình giải quyết tranh chấp chủ yếu phụ thuộc vào thái độ thiện chí và hợp tác của các bên tranh chấp; việc thực thi các kết quả đạt được trong trong quá trình giải quyết tranh chấp hoàn toàn phụ thuộc sự tự nguyện thi hành của bên có nghĩa vụ phải thi hành mà không có cơ chế pháp lí bảm đảm thi hành và nếu có (như phương thức giải quyết tranh chấp bằng trọng tại ) thì việc thực thi thường phức tạp và tốn kém. Nhược điểm này lại có thể bù đắp được trong cơ chế giải quyết tranh chấp thương mại tại tòa án.

**1.2. Pháp luật về giải quyết tranh chấp bằng con đường Tòa án**

Tòa án là phương thức giải quyết tranh chấp tại cơ quan xét xử nhân dân quyền lực nhà nước, được tiến hành theo trình tự, thủ tục nghiêm ngặt, chặt chẽ và bản án hay quyết định của tòa án về vụ tranh chấp nếu không có sự tự nguyện tuân thủ sẽ được đảm bảo thi hành bằng sức mạnh cưỡng chế của nhà nước.

**1.2.1. Thẩm quyền của Tòa an trong giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại**

*Thứ nhất, thẩm quyền theo cấp tòa án*

Căn cứ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thì tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền đối với những tranh chấp kinh doanh thương mại như sau: mua bán hàng hóa; cung ứng dịch vụ; phân phối; đại diện, đại lý; ký gửi; thuê, cho thuê, cho thuê lại; xây dựng; tư vấn, kỹ thuật; vận chuyển hàng hóa, hành khách, đường sắt, đường bộ, đường thủy lợi, nội địa; vận chuyển hàng hóa, hành khách bằng đường hàng không, đường biển; mua bán cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá trị khác; đầu tư, tài chính, ngân hàng; bảo hiểm; thăm dò khai thác.

Tuy nhiên, nếu các tranh chấp này mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan Lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, cho Tòa án nước ngoài không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện. Như vậy, Tòa án cấp huyện không có thẩm quyền giải quyết những yêu cầu về kinh doanh thương mại.

Còn đối với tòa án nhân dân cấp tỉnh thì có thẩm quyền giải quyết các vụ việc sau: một là, những tranh chấp trong hoạt động kinh doanh thương mại mà gắn liền với lợi nhuận; hai là, tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, chuyển giao công nghệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận; ba là, tranh chấp giữa công ty với các thành viên của công ty, giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến việc thành lập, hoạt động, giải thể, sáp nhập, hợp nhất, chia, tách, chuyển đổi hình thức tổ chức của công ty; bốn là, các tranh chấp khác về kinh doanh, thương mại mà pháp luật có quy định.

Tuy nhiên, trong một số trường hợp, tòa án nhân dân cấp tỉnh cũng có thẩm quyền lấy những vụ việc của tòa án nhân dân cấp huyện để giải quyết.

Cũng theo sự phân cấp, tòa án cấp tỉnh phúc thẩm những vụ án kinh doanh, thương mại mà bản án, quyết định sơ thẩm chưa có hiệu lực pháp luật của tòa án cấp huyện bị kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng. Đối với những bản án hoặc quyết định của tòa án nhân dân cấp huyện bị kháng nghị thì Ủy ban Thẩm phán của tòa án cấp tỉnh xem xét và giải quyết theo trình tự giám đốc thẩm hoặc tái thẩm. Ủy ban thẩm phán TAND cấp tỉnh gồm có Chánh án, Phó chánh án và một số Thẩm phán (không quá 9 thành viên) của TAND cấp tỉnh có thẩm quyền xét xử giám đốc thẩm, tái thẩm các bản án quyết định có hiệu lực pháp luật của TAND cấp huyện bị kháng nghị

Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tiến hành phúc thẩm những vụ án mà bản án, quyết định sơ thẩm của tòa kinh tế thuộc tòa án nhân dân cấp tỉnh bị kháng cáo. Tòa kinh tế thuộc tòa án nhân dân tối cao giám đốc thẩm, tái thẩm những vụ án mà bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật bị kháng nghị theo quy định của pháp luật tố tụng kháng nghị. Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao xem xét theo trình tự giám đốc thẩm và tái thẩm những vụ án mà bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của tòa án cấp dưới nhưng bị kháng nghị. Hội đồng thẩm phán TANDTC bao gồm Chánh án, các Phó chánh án, và một số Thẩm phán TANDTC (không quá 17 người).

*Thứ hai, thẩm quyền theo lãnh thổ*

Theo điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tòa án có thẩm quyền sơ thẩm tranh chấp về kinh doanh, thương mại là tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc ( Nếu bị đơn là cá nhân ) hoặc nơi bị đơn có trụ sở ( nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức ). Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp về bất động sản.

Ngoài ra, Bộ luật tố tụng dân sự còn cho phép đương sự có quyền thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn (nếu nguyên đơn là cá nhân) hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn (nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức) giải quyết những tranh chấp về kinh doanh, thương mại. Nội dung pháp lí này là một điểm mới của Bộ luật tố tụng dân sự mà trước đó, các văn bản pháp luật của Việt Nam chưa có quy định. Trước khi Bộ luật tố tụng dân sự có hiệu lực pháp luật, pháp luật của Việt Nam không cho phép các đương sự có quyền thỏa thuận chọn tòa án nơi nư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn giải quyết vụ tranh chấp. Thẩm quyền của tòa án đã được pháp luật phân định theo những tiêu chí nhất định mà các đương sự không được quyền thỏa thuận chọn tòa án, chỉ có nguyên đơn mới có quyền chọn tòa án trong những trường hợp được pháp luật quy định. Việc cho phép các đương sự thỏa thuận chọn tòa án nơi cư trú, làm việc hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn giải quyết vụ tranh chấp là xuất phát từ quan điểm tôn trọng quyền định đoạt của các đương sự và tạo điều kiện thuận lợi nhất cho các bên trong quá trình giải quyết tranh chấp.

Thẩm quyền giải quyết vụ án kinh doanh thương mại của Toà án theo lãnh thổ được xác định là Toà án nơi bị đơn cư trú, làm việc, nếu bị đơn là cá nhân hoặc nơi bị đơn có trụ sở, nếu bị đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp về kinh doanh, thương mại, 29 của Bộ luật Bộ luật tố tụng dân sự;. Tuy nhiên, luật cũng cho phép các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau bằng văn bản yêu cầu Tòa án nơi cư trú, làm việc của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cá nhân hoặc nơi có trụ sở của nguyên đơn, nếu nguyên đơn là cơ quan, tổ chức giải quyết những tranh chấp về kinh doanh, thương mại. BLTTDS đã ghi nhận thêm sự thỏa thuận của các bên trong việc lựa chọn Tòa án của nguyên đơn giải quyết tranh chấp là phù hợp với thực tiễn, khắc phục hạn chế của Pháp lệnh giải quyết các vụ án kinh tế 1994. Bên cạnh đó, luật cũng quy định Tòa án nơi có bất động sản có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp về bất động sản. Đối với giải quyết việc kinh doanh, thương mại của Toà án theo lãnh thổ được xác định như sau:

- Toà án nơi người phải thi hành bản án, quyết định kinh doanh, thương mại của Toà án nước ngoài cư trú, làm việc, nếu người phải thi hành án là cá nhân hoặc nơi người phải thi hành án có trụ sở, nếu người phải thi hành án là cơ quan, tổ chức hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành bản án, quyết định của Toà án nước ngoài có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam bản án, quyết định kinh doanh, thương mại của Toà án nước ngoài.

- Toà án nơi người gửi đơn cư trú, làm việc, nếu người gửi đơn là cá nhân hoặc nơi người gửi đơn có trụ sở, nếu người gửi đơn là cơ quan, tổ chức có thẩm quyền giải quyết yêu cầu không công nhận bản án, quyết định kinh doanh, thương mại của Toà án nước ngoài không có yêu cầu thi hành tại Việt Nam.

- Toà án nơi người phải thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài cư trú, làm việc, nếu người phải thi hành là cá nhân hoặc nơi người phải thi hành có trụ sở, nếu người phải thi hành là cơ quan, tổ chức hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài có thẩm quyền giải quyết yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

- Thẩm quyền của Toà án theo lãnh thổ giải quyết các yêu cầu liên quan đến việc Trọng tài thương mại Việt Nam giải quyết các vụ tranh chấp được thực hiện theo quy định của pháp luật về Trọng tài thương mại.

*Thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn hoặc người yêu cầu.*

Bên cạnh những quy định về thẩm quyền theo vụ việc, thẩm quyền của Tòa án các cấp và thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ, BLTTDS có những quy định về thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn để thuận tiện cho nguyên đơn trong việc giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại.

Nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án để yêu cầu giải quyết vụ án trong các trường hợp sau đây:

- Nếu không biết rõ trụ sở hoặc nơi cư trú của bị đơn, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có tài sản, nơi có trụ sở hoặc nơi cư trú cuối cùng của bị đơn giải quyết vụ án;

- Nếu vụ án phát sinh từ hoạt động của chi nhánh doanh nghiệp, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi doanh nghiệp có trụ sở hoặc nơi có chi nhánh đó giải quyết vụ án;

- Nếu vụ án phát sinh từ quan hệ hợp đồng, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi thực hiện hợp đồng giải quyết vụ án;

- Nếu các bị đơn có trụ sở hoặc nơi cư trú khác nhau, thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có trụ sở hoặc nơi cư trú của một trong các bị đơn giải quyết vụ án;

- Nếu tranh chấp bất động sản mà bất động sản có ở nhiều địa phương khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Toà án nơi có một trong các bất động sản giải quyết.

Trong trường hợp có tranh chấp về thẩm quyền của Tòa án thì do Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết. Biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được Tòa án quyết định áp dụng trong bất cứ thời điểm nào để bảo vệ bằng chứng, bảo đảm việc thi hành án. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời gồm có:

- Kê biên tài sản đang tranh chấp.

- Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.

- Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp.

- Cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hoá khác.

- Phong toả tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong toả tài sản ở nơi gửi giữ.

- Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ.

- Cấm hoặc buộc đương sự thực hiện hành vi nhất định.

- Các biện pháp khẩn cấp tạm thời khác mà pháp luật có quy định.

Trong quá trình giải quyết vụ án, đương sự, người đại diện hợp pháp của đương sự có quyền yêu cầu Toà án đang giải quyết vụ án đó áp dụng một hoặc nhiều biện pháp khẩn cấp tạm thời để tạm thời giải quyết yêu cầu cấp bách của đương sự, bảo vệ chứng cứ, bảo toàn tình trạng hiện có tránh gây thiệt hại không thể khắc phục được hoặc bảo đảm việc thi hành án. Trong trường hợp do tình thế khẩn cấp, cần phải bảo vệ ngay bằng chứng, ngăn chặn hậu quả nghiêm trọng có thể xảy ra thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền nộp đơn yêu cầu Toà án có thẩm quyền ra quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đồng thời với việc nộp đơn khởi kiện cho Toà án đó

Quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời có hiệu lực thi hành ngay. Quyết định áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời có thể được thay đổi hủy bỏ theo quyết định của Tòa án khi thấp việc áp dụng là không cần thiết hoặc không có tác dụng. Quyết định cũng có thể bị các đương sự khiếu nại, Viện kiểm sát kiến nghị với Chánh án TAND đang giải quyết vụ án, Chánh án phải xem xét và trả lời trong thời hạn 3 ngày.

*Thứ ba, thẩm quyền theo sự lựa chọn của nguyên đơn*

Để thuận lợi nhất cho nguyên đơn trong việc giải quyết vụ tranh chấp cũng như xác định thẩm quyền của tòa án cụ thể, pháp luật dành cho nguyên đơn được quyền chọn tòa án để giải quyết vụ tranh chấp. Theo Bộ luật dân sự như sau:

Nguyên đơn có quyền lựa chọn Tòa án giải quyết tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động trong các trường hợp sau đây:

Một là, nếu không biết nơi cư trú, làm việc, trụ sở của bị đơn thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở cuối cùng hoặc nơi bị đơn có tài sản giải quyết;

Hai là, nếu tranh chấp phát sinh từ hoạt động của chi nhánh tổ chức thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi tổ chức có trụ sở hoặc nơi tổ chức có chi nhánh giải quyết;

Ba là, nếu bị đơn không có nơi cư trú, làm việc, trụ sở ở Việt Nam hoặc vụ án về tranh chấp việc cấp dưỡng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết;

Bốn là, nếu tranh chấp về bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi xảy ra việc gây thiệt hại giải quyết;

Năm là, nếu tranh chấp về bồi thường thiệt hại, trợ cấp khi chấm dứt hợp đồng lao động, bảo hiểm xã hội, quyền và lợi ích liên quan đến việc làm, tiền lương, thu nhập và các điều kiện lao động khác đối với người lao động thì nguyên đơn là người lao động có thể yêu cầu Tòa án nơi mình cư trú, làm việc giải quyết;

Sáu là, nếu tranh chấp phát sinh từ việc sử dụng lao động của người cai thầu hoặc người có vai trò trung gian thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi người sử dụng lao động là chủ chính cư trú, làm việc, có trụ sở hoặc nơi người cai thầu, người có vai trò trung gian cư trú, làm việc giải quyết;

Bảy là, nếu tranh chấp phát sinh từ quan hệ hợp đồng thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi hợp đồng được thực hiện giải quyết;

Tám là, nếu các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở ở nhiều nơi khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi một trong các bị đơn cư trú, làm việc, có trụ sở giải quyết;

Chín là, nếu tranh chấp bất động sản mà bất động sản có ở nhiều địa phương khác nhau thì nguyên đơn có thể yêu cầu Tòa án nơi có một trong các bất động sản giải quyết.

***1.2.2. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp kinh doanh thương mại bằng Tòa án***

*Nguyên tắc tôn trọng quyền tự định đoạt của các đương sự*

Tôn trọng quyền tự do định đoạt của các đương sự bắt nguồn từ nguyên tắc bảo đảm quyền tự do kinh doanh. Nguyên tắc này được ghi nhận tại điều 5 Bộ luật Tố tụng Dân sự: “1. Đương sự có quyền quyết định việc khởi kiện, yêu cầu Toà án có thẩm quyền giải quyết vụ việc dân sự. Toà án chỉ thụ lý giải quyết vụ việc dân sự khi có đơn khởi kiện, đơn yêu cầu của đương sự và chỉ giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện, đơn yêu cầu đó. 2. Trong quá trình giải quyết vụ việc dân sự, các đương sự có quyền chấm dứt, thay đổi các yêu cầu của mình hoặc thoả thuận với nhau một cách tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội”.

Quyền tự định đoạt trong quy định trong TTDS là sự phản ánh của quyền tự định đoạt của các chủ thể trong mối quan hệ dân sự”. Quyền tự định đoạt của đương sự trong dân sự bao gồm các nguyên tắc: Nguyên tắc tự do, tự cam kết, thỏa thuận( Điều 4 BLDS) Nguyên tắc tôn trọng và bảo vệ quyền dân sự( Điều 9 BLDS) Nguyên tắc hòa giải ( Điều 12 BLDS). Trong TTDS nguyên tắc quyền tự định đoạt thể hiện ở khả năng tham gia tố tụng, tự do định đoạt quyền dân sự của mình và các quyền về phương tiện tố tụng bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại. Từ phân tích trên có thể thấy rằng nguyên tắc quyền tự định đoạt trong tố tụng dân sự là cac quyền được quy định trong các quy phạm pháp luật hình thức, được phái sinh dựa trên các nguyên tắc giao lưu dân sự trong pháp luật nội dung.

*Nguyên tắc bình đẳng trước pháp luật*

Quyền bình đẳng trước pháp luật là quyền cơ bản của công dân đã được ghi nhận trong Hiến Pháp. Quyền này đã được cụ thể hoá trong nhiều văn bản pháp luật, trong đó có BLTTDS: “Mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, trước Toà án không phân biệt dân tộc, nam nữ, thành phần xã hội, tín ngưỡng, tôn giáo, trình độ văn hoá, nghề nghiệp. Mọi cơ quan, tổ chức đều bình đẳng không phụ thuộc vào hình thức tổ chức, hình thức sở hữu và những vấn đề khác. Các đương sự đều bình đẳng về quyền và nghĩa vụ trong tố tụng dân sự, Toà án có trách nhiệm tạo điều kiện để họ thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình”. Việc cụ thể hoá quyền bình đẳng trước pháp luật trong tố tụng kinh tế có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì nó còn thể hiện sự bình đẳng giữa các thành phần kinh tế.

*Nguyên tắc Tòa án không tiến hành điều tra mà chỉ xác minh thu thập chứng cứ*

Nguyên tắc này thể hiện bản chất dân sự trong việc giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh, thương mại. Khác với giải quyết các vụ án hình sự, giải quyết tranh chấp trong kinh doanh thương mại thì Tòa án không tiến hành điều tra mà đương sự phải cung cấp chứng cứ, Tòa án chỉ xác minh, thu thập chứng cứ trong những trường hợp nhất định. [5, tr. 10]

Việc quy định đương sự có nghĩa vụ cung cấp chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu của mình, trong trường hợp đương sự không thể tự mình thu thập được chứng cứ và có yêu cầu thì Thẩm phán mới tự mình thu thập chứng cứ hoặc trong các trường hợp khác mà pháp luật có quy định.

Để đảm bảo cho các đương sự khả năng chủ động trong việc tự bảo vệ quyền lợi của mình, kể cả Luật Tố tụng dân sự mới cũng duy trì và mở rộng quyền và nghĩa vụ của các đương sự. Theo đó đương sự được phép yêu cầu cá nhân, cơ quan, tổ chức đang lưu trữ, quản lý tài liệu, chứng cứ cung cấp tài liệu, chứng cứ đó cho mình để giao nộp cho Tòa án

Viện kiểm sát là cơ quan tham gia nguồn tài liệu, chứng cứ được cung cấp để tăng tính khách quan của vụ việc: “Cá nhân, cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm cung cấp đầy đủ và đúng thời hạn cho đương sự, Tòa án, Viện kiểm sát tài liệu, chứng cứ mà mình đang lưu giữ, quản lý khi có yêu cầu của đương sự, Tòa án, Viện kiểm sát và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ đó; trong trường hợp không cung cấp được thì phải thông báo bằng văn bản cho đương sự, Tòa án, Viện kiểm sát biết và nêu rõ lý do của việc không cung cấp được tài liệu, chứng cứ”.

*Nguyên tắc hòa giải*

Nguyên tắc hòa giải trong tố tụng kinh tế được quy định tại Điều 10 BLTTDS, theo nguyên tắc này: “Toà án có trách nhiệm tiến hành hoà giải và tạo điều kiện thuận lợi để các đương sự thoả thuận với nhau về việc giải quyết vụ việc dân sự theo quy định của Bộ luật này”. [5, tr. 12]

Bản chất của quan hệ kinh tế được thiết lập trên cơ sở tự nguyện và quyền tự định đoạt của đương sự, do đó việc giải quyết các tranh chấp phát sinh từ các quan hệ này được thực hiện theo những biện pháp nhất định, trong đó hòa giải là một biện pháp quan trọng và là nguyên tắc bắt buộc trong tố tụng dân sự. Hòa giải có ý nghĩa hết sức quan trọng, được thực hiện nhằm mục đích phát huy truyền thống đoàn kết, tương trợ giữa các bên tham gia quan hệ kinh tế, nâng cao kết quả giải quyết các tranh chấp trong kinh doanh, thương mại. Đồng thời làm tốt hòa giải sẽ hạn chế những tốn kém về tiền bạc, thời gian của Nhà nước, công sức của cán bộ Nhà nước cũng như của công dân, hạn chế những khiếu nại, tố cáo trong lĩnh vực tư pháp. BLTTDS cũng quy định cụ thể việc hòa giải được thực hiện ở tất cả các giai đoạn sơ thẩm, phúc thẩm, từ khi chuẩn bị xét xử đến khi bắt đầu xét xử tại phiên tòa, trừ những vụ án không được hòa giải như yêu cầu đòi bồi thường gây thiệt hại đến tài sản Nhà nước, hoặc những vụ án kinh tế phát sinh từ giao dịch trái pháp luật hoặc đạo đức xã hội.

*Nguyên tắc giải quyết vụ án nhanh chóng, kịp thời*

Xuất phát từ nhu cầu kinh doanh, việc giải quyết tranh chấp không những bảo đảm đúng pháp luật mà còn phải nhanh chóng, kịp thời, dứt điểm, tránh dây dưa, kéo dài, đảm bảo khắc phục kịp thời cho bên bị vi phạm. Trong BLTTDS quy định cụ thể thời hạn ở các giai đoạn tố tụng, như thời hạn thụ lý, thời hạn thu thập chứng cứ và đưa vụ việc ra xét xử, thời hạn phát hành quyết định, bản án, thời hạn kháng cáo, khiếu nại và giải quyết theo trình tự giám đốc thẩm, tái thẩm... Phần lớn Toà án các cấp đều giải quyết vụ việc trong thời hạn luật định. [3, tr. 3 – 4]